

## Bài 36. ĐỘNG VẬT

### I MỤC TIÊU

Sau bài học, HS sẽ:

- Nhận biết được hai nhóm: động vật không xương sống và có xương sống thông qua tranh, ảnh hoặc mẫu vật và trong tự nhiên.
- Phân loại được các loài động vật vào các lớp/ngành thuộc nhóm động vật không xương sống và có xương sống.

- Lấy được ví dụ minh họa đại diện cho từng lớp/ngành.
- Nêu được tính đa dạng của động vật.
- Nêu được vai trò của động vật trong tự nhiên và đối với con người.
- Nêu được tác hại của động vật đối với con người và với sinh vật khác.
- Vận dụng kiến thức đã học để phòng, tránh một số bệnh do động vật gây ra.

## II CHUẨN BỊ

- Các tranh, ảnh đại diện các lớp/ngành thuộc giới Động vật.
- Thiết bị để chiếu các hình, ảnh lên màn ảnh.
- Phiếu bài tập (dùng cho phần kiểm tra, đánh giá).

## III THÔNG TIN BỔ SUNG

So với chương trình năm 2006, trong SGK KHTN 6 theo chương trình năm 2018, các nội dung về động vật thay đổi khá nhiều. Ở chương trình năm 2006, phần về động vật được trình bày rất cụ thể, chi tiết. Các kiến thức khá chuyên sâu bao gồm cả các đặc điểm về cấu tạo giải phẫu cũng như các kiến thức về tiến hóa. Trong SGK KHTN 6 theo chương trình 2018, cách tiếp cận có sự thay đổi, phần kiến thức có tính chất khái quát và tổng thể, chủ yếu giới thiệu những đặc điểm cơ bản các lớp/ngành của động vật, vai trò và tác hại của động vật. Qua đó HS thấy được sự đa dạng của động vật, sự cần thiết trong việc bảo vệ đa dạng động vật nói riêng và thế giới sinh vật nói chung, đồng thời có các biện pháp để phòng, tránh một số bệnh do động vật gây ra.

## IV GỢI Ý TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY, HỌC

### Hoạt động 1. KHỞI ĐỘNG



Sử dụng hình và câu hỏi phần khởi động trong SGK tổ chức hoạt động mở đầu bài học.

Động vật là đối tượng rất gần gũi đối với HS, các em có thể bắt gặp hoặc tiếp xúc hằng ngày nên cũng là một điểm thuận lợi cho bài học. Tuy nhiên, khối lượng về kiến thức của bài là khá lớn và tính đa dạng của động vật rất cao. Do vậy, cũng cần lưu ý cách tiếp cận bài giảng để tạo hứng thú cho HS. Trên cơ sở dựa vào các loài động vật mà các em HS gặp hằng ngày để giới thiệu cho bài học.



– GV sử dụng hình và câu hỏi trong phần khởi động trong SGK, đặt các câu hỏi ngắn cho HS như: kể tên loài động vật trong hình. Em đã bao giờ nhìn thấy loài này chưa? Kể thêm một số loài động vật em biết. Những loài có đặc điểm như thế nào thì được xếp vào giới Động vật?

- HS dựa vào tranh, ảnh kết hợp với kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

## Hoạt động 2. TÌM HIỂU VỀ ĐA DẠNG ĐỘNG VẬT



Giúp HS khái quát sự đa dạng của động vật thể hiện qua: số lượng loài, môi trường sống.



– GV có thể cho HS khởi đầu hoạt động bằng cách thực hiện hoạt động của mục I trong SGK. Sau khi hoàn thành hoạt động, HS rút ra được nhận xét về môi trường sống của động vật.

– GV yêu cầu HS đọc SGK, sau đó trình bày các đặc điểm chung của động vật. Có thể gọi HS lên bảng, lập bảng so sánh các đặc điểm của động vật và thực vật.



Các môi trường sống của động vật: dưới nước, trên cạn, trong đất, trong cơ thể sinh vật khác,...

Một số loài động vật và môi trường sống của chúng:

Môi trường sống	Loài động vật
Trên cạn	Trâu, lợn, kiến, sư tử,...
Dưới nước	Cá, tôm, trai, mực,...
...	

## Hoạt động 3. TÌM HIỂU VỀ NHÓM ĐỘNG VẬT KHÔNG XƯƠNG SỐNG



Hướng dẫn HS tìm tòi, khám phá về các đại diện của động vật không xương sống thông qua các ví dụ cụ thể, các hình vẽ. Nhiều loài động vật không xương sống rất gần gũi, được gặp hằng ngày, mọi nơi, mọi lúc. Tuy nhiên, các đối tượng gặp hằng ngày cũng chỉ là một phần rất nhỏ của động vật không xương sống tồn tại trên Trái Đất, do vậy từ các ví dụ cần khái quát được các nhóm chính.



– GV đặt câu hỏi: Những loài có đặc điểm cơ thể như thế nào được xếp vào nhóm động vật không xương sống và gồm có những ngành chính nào?

– GV có thể tổ chức cho HS lần lượt tìm hiểu về các ngành thuộc nhóm động vật không xương sống theo các nội dung:

+ Tìm hiểu về môi trường sống, đặc điểm đặc trưng của mỗi ngành.

+ Quan sát hình trong SGK hoặc hình GV cung cấp về đại diện của các ngành.

+ Tìm thêm các đại diện ở mỗi ngành.

+ GV nhận xét và đánh giá HS ở mỗi lần HS trả lời.



Một số loài thuộc ngành Thân mềm: ốc nhồi, ốc mít, trai, mực,... (B). Một số loài thuộc ngành Chân khớp: gián, châu chấu, tôm, cua, ruồi,... (B)



Sau khi tìm hiểu hết các ngành động vật thuộc nhóm động vật không xương sống, GV tổ chức cho HS thực hiện hoạt động ở mục II. Có thể cho HS làm việc nhóm.



1. Từ khoá là dấu hiệu nhận biết của mỗi ngành. (B)

Ngành	Ruột khoang	Giun dẹp	Giun tròn	Thân mềm	Chân khớp
Dấu hiệu nhận biết	Đối xứng toả tròn	Cơ thể dẹp, đối xứng hai bên	Cơ thể hình trụ	Cơ thể mềm, có vỏ cứng	Phân phụ phân đốt

2. HS dựa vào dấu hiệu đã nêu trên để sắp xếp các loài trong Hình 36.7 vào ngành phù hợp. (H)

Tên loài	Đặc điểm nhận biết	Ngành
Sứa	Cơ thể đối xứng toả tròn	Ruột khoang
Châu chấu	Chân khớp	Chân phân đốt
Hàu biển	Cơ thể mềm, có vỏ cứng	Thân mềm
Rươi	Cơ thể phân đốt	Giun đốt

#### Hoạt động 4. TÌM HIỂU VỀ ĐỘNG VẬT CÓ XƯƠNG SỐNG



Hướng dẫn HS tìm tòi, khám phá về đặc điểm và các đại diện của động vật có xương sống thông qua các mẫu vật, các tranh, ảnh. Các loài động vật có xương sống được gặp hàng ngày, điều đó giúp cho HS dễ dàng nhận biết.



– GV yêu cầu HS đọc SGK để chỉ ra điểm khác biệt cơ bản giữa động vật không xương sống và động vật có xương sống.

– GV cùng HS tìm hiểu các lớp chính của động vật có xương sống.

– GV có thể tổ chức tương tự như hoạt động 3, lần lượt tìm hiểu từng lớp động vật theo tiến trình:

+ HS đọc SGK để nêu đặc điểm đặc trưng ở từng lớp: môi trường sống, hình dạng,...

+ Cho HS quan sát các hình trong SGK tương ứng với nội dung tìm hiểu hoặc GV cung cấp thêm hình ảnh các loài đại diện cho từng lớp.

+ GV nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung kiến thức.

+ Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trong SGK lần lượt theo trình tự nội dung tìm hiểu.



1. Cá nước ngọt: cá chép, cá mè, cá trắm,...

Cá nước mặn: cá thu, cá chỉ vàng, cá nục, cá đuối,...

2. Nếu nuôi ếch ở nơi thiếu ẩm, ếch vẫn sống được vì ngoài hô hấp qua da, ếch trưởng thành còn có khả năng hô hấp bằng phổi.

3. Cá heo và cá voi mang các đặc điểm của lớp Động vật có vú: hô hấp bằng phổi, đẻ con và nuôi con bằng sữa mẹ, có lông mao (rất ít).



GV có thể đưa thêm câu hỏi mở rộng như: Tại sao chim có thể bay được trong không khí?... GV giới thiệu cho HS biết con người là đối tượng thuộc lớp Động vật có vú (Thú).

### Hoạt động 5. TÌM HIỂU VỀ VAI TRÒ CỦA ĐỘNG VẬT



Hướng dẫn HS tìm tòi, khám phá về vai trò của động vật thông qua tranh, ảnh và liên hệ đời sống hằng ngày.



Trong SGK có đề cập hai nhóm vai trò chính của động vật, đó là vai trò đối với tự nhiên và vai trò đối với con người.

#### Vai trò đối với tự nhiên:

- Cho HS đọc SGK, sau đó để HS liệt kê các vai trò của động vật trong tự nhiên.
- GV giới thiệu khái niệm chuỗi thức ăn và cung cấp cho HS một vài chuỗi thức ăn cơ bản trong tự nhiên.

#### Vai trò đối với con người:

- Giới thiệu Hình 36.6 về một số vai trò của động vật đối với con người.
- HS đọc SGK và thực hiện hoạt động trong SGK, thông qua hoạt động đó HS liệt kê được các vai trò của động vật với con người và lấy được ví dụ cho mỗi vai trò.



1. Tuỳ thuộc vào mỗi cá nhân HS, có thể đưa ra các vai trò và ví dụ khác nhau. Một số vai trò và đại diện như: làm thực phẩm (lợn, gà, tôm,...); làm đồ dùng (áo làm từ lông cừu, thắt lưng làm từ da động vật,...). (B)

#### 2. (B)

Vai trò của động vật	Tên các loài động vật
Thực phẩm	Cá, mực, cua, lợn, gà
Dược phẩm	Hươu (lấy nhung), ngựa (lấy cao)
Nguyên liệu sản xuất	Chim (lấy lông), cừu (lấy lông), bò (lấy da)
Giải trí – Thể thao	Cá heo, chó, mèo
Học tập – Nghiên cứu khoa học	Chuột bạch
Bảo vệ an ninh	Chó
Các vai trò khác	

## **Hoạt động 6. TÌM HIỂU TÁC HẠI CỦA ĐỘNG VẬT**

 HS dựa vào thông tin trong SGK kết hợp với những hiểu biết của bản thân để nêu được tác hại của động vật đối với con người và các sinh vật khác.

 – GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, tìm hiểu thông tin trong SGK và dựa vào những hiểu biết của bản thân, nêu các tác hại của động vật.

– Cho HS quan sát Hình 36.17 và quan sát thêm tranh, ảnh động vật gây hại cho thực vật và động vật (nếu có).

– GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi SGK.

 1. Động vật hút nhựa và ăn lá gây hại cho thực vật. (B)

2. Các loài động vật gây hại: chuột, gián, ruồi, muỗi,... (B)

3. Để phòng tránh các bệnh giun, sán, mọi người nên ăn chín, uống sôi; rửa tay sạch sẽ trước khi ăn và khi chế biến thực phẩm. (VD)

## **V GỢI Ý KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ**

GV chuẩn bị phiếu bài tập, có thể tổ chức cho HS làm việc nhóm, kể tên, nơi sống và vai trò hoặc tác hại của các loài động vật mà em biết vào bảng theo mẫu bảng dưới đây:

Loài động vật	Nơi sống	Vai trò/ tác hại